TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH SƠN** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2023
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa anh Toản và chị Trâm* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Nguyễn Thành Công Hào.
2. Nguyễn Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Huỳnh Quốc T, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số C đường A, khu phố H, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Ái T1, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Đ, thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - anh Huỳnh Quốc T xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-8-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, anh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Ái T1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 23/9/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, hay cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng

không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh xin được ly hôn với chị T1.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Huỳnh Lê Linh L, sinh ngày 30/01/2013. Khi ly hôn, anh xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là chị Lê Thị Ái T1 vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T1 theo đúng quy định nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228, đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của anh Huỳnh Quốc T và chị Lê Thị Ái T1 đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay anh T xin giải quyết cho ly hôn với chị T1, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Quốc T được ly hôn với chị Lê Thị Ái T1.

- Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Lê Linh L, sinh ngày 30/01/2013 cho anh T nuôi dưỡng. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Anh Huỳnh Quốc T khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị

Lê Thị Ái T1 và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn – chị Lê Thị Ái T1 có địa chỉ cư trú tại thôn H, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:*

Anh Huỳnh Quốc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị Lê Thị Ái T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Huỳnh Quốc T và chị Lê Thị Ái T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103 ngày 23/9/2016. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh T và chị T1 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, anh T trình bày nguyên nhân vì bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với chị T1.

Quá trình giải quyết, chị T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho chị đến Tòa giải quyết nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày. Xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa anh T và chị T1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị T1 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:*

Anh T và chị T1 có 01 con chung là Huỳnh Lê Linh L, sinh ngày 30/01/2013. Khi ly hôn, anh T xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Xét ý kiến của anh T, nguyện vọng của con chung, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và qua tham

khảo ý kiến của địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận ý kiến của anh T, giao cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Huỳnh Lê Linh L. Anh T không yêu cầu chị T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn - anh Huỳnh Quốc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Anh Huỳnh Quốc T và chị Lê Thị Ái T1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Quốc T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Huỳnh Quốc T, sinh năm 1983 và chị Lê Thị Ái T1, sinh năm 1989.

- *Về nuôi con chung:* Giao 01 con chung là Huỳnh Lê Linh L, sinh ngày 30/01/2013 cho anh Huỳnh Quốc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị Lê Thị Ái T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp

nuôi con sau khi ly hôn hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Anh Huỳnh Quốc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0005973 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Anh Huỳnh Quốc T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – anh Huỳnh Quốc T và bị đơn – chị Lê Thị Ái T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thùy Dung